

Số: /QĐ-UBND Bắc Giang, ngày tháng năm 2022

GIẤY PHÉP MÔI TRƯỜNG

ỦY BAN NHÂN DÂN TỈNH BẮC GIANG

Căn cứ Luật Tổ chức chính quyền địa phương ngày 19/6/2015; Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Tổ chức Chính phủ và Luật Tổ chức chính quyền địa phương ngày 22/11/2019;

Căn cứ Luật Bảo vệ môi trường ngày 17/11/2020;

Căn cứ Nghị định số 08/2022/NĐ-CP ngày 10/01/2022 của Chính phủ quy định chi tiết một số điều của Luật Bảo vệ môi trường;

Căn cứ Thông tư số 02/2022/TT-BTNMT ngày 10/01/2022 của Bộ trưởng Bộ Tài nguyên và Môi trường quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật Bảo vệ môi trường;

Theo đề nghị của Giám đốc Sở Tài nguyên và Môi trường tại Tờ trình số: 624/TTr-TNMT ngày 21/9/2022.

QUYẾT ĐỊNH:

Điều 1: Cấp phép cho Công ty TNHH Pearl Global Việt Nam, địa chỉ tại xã Dĩnh Trì, thành phố Bắc Giang, tỉnh Bắc Giang được thực hiện các hoạt động bảo vệ môi trường của dự án “Công ty TNHH Pearl Global Việt Nam”, địa chỉ tại xã Dĩnh Trì, thành phố Bắc Giang, tỉnh Bắc Giang với các nội dung như sau:

1. Thông tin chung của dự án đầu tư

1.1. Tên dự án đầu tư: Công ty TNHH Pearl Global Việt Nam

1.2. Địa điểm hoạt động: Xã Dĩnh Trì, thành phố Bắc Giang, tỉnh Bắc Giang.

1.3. Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp Công ty trách nhiệm hữu hạn một thành viên, mã số doanh nghiệp: 2400300146 do phòng Đăng ký kinh doanh thuộc Sở Kế hoạch và Đầu tư tỉnh Bắc Giang cấp, đăng ký lần đầu ngày 02/6/2015, đăng ký thay đổi lần thứ 8 ngày 20/01/2020.

1.4. Mã số thuế: 2400300146

1.5. Loại hình sản xuất, kinh doanh, dịch vụ: Sản xuất hàng may mặc và cung cấp các dịch vụ gia công may mặc và các sản phẩm khác.

1.6. Phạm vi, quy mô, công suất của dự án đầu tư

- Phạm vi: Dự án được thực hiện tại xã Dĩnh Trì, thành phố Bắc Giang, tỉnh Bắc Giang với diện tích 26.350 m².

- Quy mô, công suất của dự án đầu tư: Sản xuất hàng may mặc với công suất sản xuất: 500.000 áo jacket/năm; 1.250.000 quần áo và các sản phẩm khác/năm.

2. Nội dung cấp phép môi trường và yêu cầu về bảo vệ môi trường kèm theo

2.1. Được phép xả nước thải ra môi trường và thực hiện yêu cầu về bảo vệ môi trường quy định tại Phụ lục 1 ban hành kèm theo Giấy phép này.

2.2. Được phép xả khí thải ra môi trường và thực hiện yêu cầu về bảo vệ môi trường quy định tại Phụ lục 2 ban hành kèm theo Giấy phép này.

2.3. Bảo đảm giá trị giới hạn đối với tiếng ồn, độ rung và thực hiện yêu cầu về bảo vệ môi trường quy định tại Phụ lục 3 ban hành kèm theo Giấy phép này.

2.4. Yêu cầu về quản lý chất thải, phòng ngừa và ứng phó sự cố môi trường quy định tại Phụ lục 4 ban hành kèm theo Giấy phép này.

2.5. Yêu cầu khác về bảo vệ môi trường quy định tại Phụ lục 5 ban hành kèm theo Giấy phép này.

Điều 2. Quyền, nghĩa vụ và trách nhiệm của Công ty TNHH Pearl Global Việt Nam được cấp Giấy phép môi trường

1. Công ty TNHH Pearl Global Việt Nam có quyền, nghĩa vụ theo quy định tại Điều 47 Luật Bảo vệ môi trường.

2. Công ty TNHH Pearl Global Việt Nam có trách nhiệm

2.1. Chỉ được phép thực hiện các nội dung cấp phép sau khi đã hoàn thành các công trình bảo vệ môi trường tương ứng.

2.2. Vận hành thường xuyên, đúng quy trình các công trình xử lý chất thải bảo đảm chất thải sau xử lý đạt quy chuẩn kỹ thuật môi trường; có biện pháp giảm thiểu tiếng ồn, độ rung đáp ứng yêu cầu bảo vệ môi trường; quản lý chất thải theo quy định của pháp luật. Chịu trách nhiệm trước pháp luật khi chất ô nhiễm, tiếng ồn, độ rung không đạt yêu cầu cho phép tại Giấy phép này và phải dừng ngay việc xả nước thải, khí thải, phát sinh tiếng ồn, độ rung để thực hiện các biện pháp khắc phục theo quy định của pháp luật.

2.3. Thực hiện đúng, đầy đủ các yêu cầu về bảo vệ môi trường trong Giấy phép môi trường này và các quy định của pháp luật về bảo vệ môi trường.

2.4. Báo cáo kịp thời với UBND tỉnh, Sở Tài nguyên và Môi trường, UBND thành phố Bắc Giang nếu xảy ra các sự cố đối với các công trình xử lý chất thải, sự cố khác dẫn đến ô nhiễm môi trường.

2.5. Trong quá trình thực hiện nếu có thay đổi khác với các nội dung quy định tại Giấy phép này, phải kịp thời báo cáo đến UBND tỉnh, Sở Tài nguyên và Môi trường, UBND thành phố Bắc Giang.

Điều 3. Thời hạn của Giấy phép: 10 (mười) năm, kể từ ngày Giấy phép này có hiệu lực thi hành. Các giấy phép môi trường thành phần (nếu có) hết hiệu lực kể từ ngày Giấy phép môi trường này có hiệu lực thi hành theo quy định.

Điều 4. Giao Sở Tài nguyên và Môi trường chủ trì, phối hợp với UBND thành phố Bắc Giang, cơ quan liên quan tổ chức kiểm tra việc thực hiện nội dung cấp phép, yêu cầu bảo vệ môi trường đối với dự án “Công ty TNHH Pearl Global Việt Nam” tại xã Dĩnh Trì, thành phố Bắc Giang, tỉnh Bắc Giang của Công ty TNHH Pearl Global Việt Nam được cấp phép theo quy định của pháp luật.

Điều 5. Giấy phép này có hiệu lực thi hành từ ngày ký.

Thủ trưởng các cơ quan: Văn phòng UBND tỉnh, Sở Tài nguyên và Môi trường, Sở Kế hoạch và Đầu tư, Sở Xây dựng; UBND thành phố Bắc Giang, UBND xã Dĩnh Trì; Công ty TNHH Pearl Global Việt Nam và tổ chức, cá nhân có liên quan căn cứ Quyết định thi hành./.

Nơi nhận:

- Như Điều 5;
- Bộ Tài nguyên và Môi trường (b/c);
- Chủ tịch, các PCT UBND tỉnh;
- CCBVMT thuộc Sở TN&MT (lưu h/s);
- Văn phòng UBND tỉnh:
 - + LĐVP, TH, KTN;
 - + Cổng thông tin điện tử tỉnh;
 - + Lưu: VT, KTN.Binh.

TM. ỦY BAN NHÂN DÂN
KT. CHỦ TỊCH
PHÓ CHỦ TỊCH

Lê Ô Pích

Phụ lục 1

NỘI DUNG CẤP PHÉP XẢ NƯỚC THẢI VÀO NGUỒN NƯỚC VÀ YÊU CẦU BẢO VỆ MÔI TRƯỜNG ĐỐI VỚI THU GOM, XỬ LÝ NƯỚC THẢI

*(Kèm theo Giấy phép môi trường số /QĐ-UBND
ngày / /2022 của UBND tỉnh)*

A. NỘI DUNG CẤP PHÉP XẢ NƯỚC THẢI

1. Nguồn phát sinh nước thải: Nước thải sinh hoạt phát sinh từ hoạt động sinh hoạt của cán bộ công nhân viên làm việc tại dự án.

2. Dòng nước thải xả vào nguồn nước tiếp nhận, nguồn tiếp nhận nước thải, vị trí xả nước thải

- Dòng nước thải: gồm 01 dòng nước thải sau hệ thống xử lý nước thải sinh hoạt công suất 60 m³/ngày.đêm được xả ra môi trường tiếp nhận.

2.1. Nguồn tiếp nhận nước thải

* Giai đoạn hiện tại (chưa đấu nối với hệ thống thu gom nước thải của cụm công nghiệp Dĩnh Trì, thành phố Bắc Giang)

Nguồn tiếp nhận nước thải: Mương đất phía sau Công ty đoạn qua cánh đồng Chũng Mãng, thôn Núm, xã Dĩnh Trì, thành phố Bắc Giang.

* Giai đoạn đấu nối nước thải với hệ thống thu gom nước thải của cụm công nghiệp Dĩnh Trì, thành phố Bắc Giang

Nguồn tiếp nhận nước thải: Hệ thống thu gom nước thải của cụm công nghiệp Dĩnh Trì, thành phố Bắc Giang.

2.2. Vị trí xả nước thải

* Giai đoạn hiện tại (chưa đấu nối với hệ thống thu gom nước thải của cụm công nghiệp Dĩnh Trì, thành phố Bắc Giang)

- Vị trí xả nước thải: 01 vị trí xả thải của dự án ra mương đất phía sau Công ty, ngoài bờ tường Công ty gần vị trí đặt nhà máy nén khí thuộc thôn Núm, xã Dĩnh Trì, thành phố Bắc Giang.

- Tọa độ vị trí xả nước thải: X=2354671; Y=420299 (theo hệ tọa độ VN 2000, kinh tuyến trực 107⁰, múi chiều 3⁰).

* Giai đoạn đấu nối nước thải với hệ thống thu gom nước thải của cụm công nghiệp Dĩnh Trì, thành phố Bắc Giang

- Vị trí xả nước thải: 01 vị trí xả thải tại hố ga đấu nối nước thải sau xử lý tại hệ thống xử lý nước thải sinh hoạt công suất 60 m³/ngày.đêm với hệ thống thu gom nước thải của cụm công nghiệp Dĩnh Trì. Tại vị trí phía cuối dự án giáp với đường cụm công nghiệp, cách góc nhà xưởng sản xuất số 1 khoảng 30m.

- Tọa độ vị trí xả nước thải: X=2354583; Y=4202097 (theo hệ tọa độ VN 2000, kinh tuyến trực 107⁰, múi chiều 3⁰).

2.3. Lưu lượng xả nước thải lớn nhất: 60 m³/ngày.đêm tương đương 2,5m³/giờ (tính theo 24 giờ)

2.3.1. Phương thức xả nước thải

* Giai đoạn hiện tại (chưa đấu nối với hệ thống thu gom nước thải của cụm công nghiệp Dĩnh Trì, thành phố Bắc Giang)

Nước thải sinh hoạt sau khi xử lý tại hệ thống xử lý nước thải sinh hoạt công suất 60 m³/ngày.đêm được xả thải theo phương thức tự chảy theo đường ống PVC 75 chiều dài khoảng 60m ra nguồn tiếp nhận.

* Giai đoạn đấu nối nước thải với hệ thống thu gom nước thải của cụm công nghiệp Dĩnh Trì, thành phố Bắc Giang

Nước thải sinh hoạt sau khi xử lý tại hệ thống xử lý nước thải sinh hoạt công suất 60 m³/ngày.đêm được bơm cưỡng bức qua đường ống PVC D200 chiều dài khoảng 350m vào hố ga đấu nối với hệ thống thu gom nước thải của cụm công nghiệp Dĩnh Trì, thành phố Bắc Giang.

2.3.2. Chế độ xả nước thải: Xả nước thải liên tục 24/24 giờ

2.3.3. Chất lượng nước thải trước khi xả ra nguồn tiếp nhận

* Giai đoạn hiện tại (chưa đấu nối với hệ thống thu gom nước thải của cụm công nghiệp Dĩnh Trì, thành phố Bắc Giang)

Chất lượng nước thải trước khi xả ra nguồn tiếp nhận phải bảo đảm đáp ứng yêu cầu về bảo vệ môi trường và QCVN 14:2008/BTNMT cột A- Quy chuẩn kỹ thuật quốc gia về nước thải sinh hoạt, cụ thể như sau:

STT	Chất ô nhiễm	Đơn vị tính	Giá trị giới hạn cho phép (theo QCVN 14:2008/ BTNMT, cột A)	Tần suất quan trắc định kỳ
1	pH	-	5-9	-
2	BOD ₅	mg/l	30	
3	Tổng chất rắn lơ lửng (TSS)	mg/l	50	
4	Tổng chất rắn hoà tan	mg/l	500	
5	Sunfua (tính theo H ₂ S)	mg/l	1	
6	Amoni (tính theo N)	mg/l	5	
7	Nitrat (NO ₃ -) (tính theo N)	mg/l	30	

8	Dầu mỡ động, thực vật	mg/l	10	
9	Tổng các chất hoạt động bề mặt	mg/l	5	
10	Phosphat (PO_4^{3-}) (tính theo P)	mg/l	6	
11	Tổng Coliforms	MPN/100ml	3000	

* Giai đoạn đầu nối nước thải với hệ thống thu gom nước thải của cụm công nghiệp Đình Trì, thành phố Bắc Giang

Chất lượng nước thải trước khi đầu nối với hệ thống thu gom nước thải của cụm công nghiệp Đình Trì, thành phố Bắc Giang phải bảo đảm đáp ứng yêu cầu về bảo vệ môi trường và QCVN 40:2011/BTNMT cột B - Quy chuẩn kỹ thuật quốc gia về nước thải công nghiệp, cụ thể như sau:

STT	Chất ô nhiễm	Đơn vị tính	Giá trị giới hạn cho phép (theo QCVN 40:2011/BTNMT cột B)	Tần suất quan trắc định kỳ
1	pH	-	5,5 đến 9	
2	BOD ₅ (20°C)	mg/l	50	
3	COD	mg/l	150	
4	Chất rắn lơ lửng	mg/l	100	
5	Sunfua	mg/l	0,5	
6	Amoni(tính theo N)	mg/l	10	
7	Tổng Nitơ	mg/l	40	
8	Tổng Phốt pho (tính theo P)	mg/l	6	
9	Clo dư	mg/l	2	
10	Coliform	MPN/100m l	5.000	

B. YÊU CẦU BẢO VỆ MÔI TRƯỜNG ĐỐI VỚI THU GOM, XỬ LÝ NƯỚC THẢI

1. Công trình, biện pháp thu gom, xử lý nước thải

1.1. Mạng lưới thu gom nước thải từ các nguồn phát sinh nước thải để đưa về hệ thống xử lý nước thải

* Nước mưa chảy tràn

Nước mưa được thu gom bao gồm nước mưa trên mái nhà xưởng, nước mưa chảy tràn trên bề mặt sân đường.

Toàn bộ nước mưa trên mái nhà xưởng được thu gom vào đường ống nước PVC 110 bố trí dọc hai bên nhà xưởng xuống và chảy vào hệ thống cống bê tông có nắp đậy và hố ga thu nước của nhà máy. Nước mưa chảy tràn trên bề mặt sân, đường được thu vào các hố ga qua các cửa thu nước có song chắn rác hoặc các lỗ tròn trên nắp cống và chảy theo cống thoát nước mặt của nhà máy.

Chiều dài hệ thống cống thoát nước mưa kích thước rộng x sâu = 0,5mx0,5m, chiều dài khoảng 900 m. Trên hệ thống thu, thoát nước mưa có xây dựng các hố ga kích thước 0,85mx0,85mx0,8m cách nhau khoảng 20m đến 30m để lắng đọng cặn.

Nước mưa sau khi qua hệ thống cống thoát nước, hố ga đổ ra mương đất giáp tường phía sau Công ty đoạn qua cánh đồng Chũng Mãng, thôn Nùm.

* Nước thải sinh hoạt

- Nước thải từ nhà bếp, nhà ăn ca được đưa qua song chắn rác, theo đường ống PVC D110 dẫn vào bể tách dầu mỡ thể tích 13m³, kích thước 2,2mx3,7mx1,6m sau đó theo đường ống PVC D110 chiều dài khoảng 50m dẫn về bể thu gom của hệ thống xử lý nước thải tập trung công suất 60 m³/ngày.đêm.

- Nước thải từ các khu nhà vệ sinh được thu gom và xử lý tại bể tự hoại 3 ngăn (04 bể thể tích 50 m³, kích thước 5mx3mx2m và 01 bể thể tích 06m³, kích thước 1,5 m x 2m x 2m) sau đó theo đường ống bê tông cốt thép D500 chiều dài khoảng 450m dẫn về bể thu gom của hệ thống xử lý nước thải tập trung công suất 60 m³/ngày.đêm.

1.2. Công trình, thiết bị xử lý nước thải

* Tóm tắt quy trình công nghệ:

Nước thải sinh hoạt (sau khi được xử lý sơ bộ tại bể tự hoại và bể tách dầu mỡ → bể thu gom → bể điều hòa → bể xử lý thiếu khí → bể hiếu khí MBBR1 → bể hiếu khí MBBR2 → bể lọc cơ học → bể lắng cơ học → bể khử trùng → nguồn tiếp nhận (trong giai đoạn hiện tại (chưa đấu nối với hệ thống thu gom nước thải của cụm công nghiệp Đình Trì, thành phố Bắc Giang): Nước thải sau xử lý đạt QCVN 14:2008/BTNMT cột A; giai đoạn đấu nối nước thải với hệ thống thu gom nước thải của cụm công nghiệp Đình Trì, thành phố Bắc Giang: Nước thải sau xử lý đạt QCVN 40:2011/BTNMT, cột B).

- Công suất thiết kế của hệ thống xử lý nước thải sinh hoạt: 60 m³/ngày.đêm.

- Hóa chất, vật liệu sử dụng:

+ Methanol (CH₃OH) bổ sung vào bể thiếu khí, hiếu khí: 200 lít/tháng.

+ Trichloroisocyanuric acid (TCCA) để khử trùng: 50 kg/tháng.

1.3. Biện pháp, công trình, thiết bị phòng ngừa, ứng phó sự cố đối với hệ thống xử lý nước thải sinh hoạt

1.3.1. Biện pháp, công trình, thiết bị phòng ngừa sự cố hệ thống xử lý nước thải sinh hoạt

- Vận hành hệ thống xử lý nước thải sinh hoạt theo đúng quy trình kỹ thuật (có nhật ký theo dõi, giám sát vận hành).

- Thường xuyên bảo dưỡng và duy tu, thay thế các thiết bị hỏng hóc, đảm bảo thay thế và bảo dưỡng các thiết bị xử lý để đảm bảo hiệu quả xử lý nước thải.

- Kiểm tra định kỳ, kiểm định các thiết bị liên quan trong hệ thống xử lý nước thải (thời gian kiểm tra, kiểm định trung bình 01 năm/lần) đảm bảo máy móc thiết bị trong tình trạng vận hành tốt nhất.

- Các hóa chất sử dụng phải tuân theo sự hướng dẫn của nhà sản xuất; không sử dụng các chất trong danh mục cấm của Việt Nam.

- Kiểm tra hệ thống thu gom và xử lý nước thải hàng ngày để có biện pháp phòng ngừa, bảo dưỡng định kỳ, kịp thời xử lý sự cố.

- Đảm bảo quy trình vận hành hệ thống xử lý nước thải sinh hoạt theo đúng kỹ thuật, tuân thủ định mức hóa chất.

- Luôn dự trữ và có phương án thay thế các thiết bị có nguy cơ hỏng hóc cao như: Máy bơm, phao, van, thiết bị sục khí, cánh khuấy và các thiết bị chuyển động khác,... để kịp thời thay thế khi hỏng hóc.

1.3.2. Biện pháp, công trình, thiết bị ứng phó sự cố hệ thống xử lý nước thải sinh hoạt

* Khi gặp sự cố lượng nước thải phát sinh vượt quá công suất hệ thống xử lý hay sự cố kỹ thuật khác

- Dừng hoạt động hệ thống xử lý nước thải sinh hoạt để sửa chữa, đề ra phương án khắc phục, đồng thời báo cho cơ quan chức năng để kịp thời xử lý.

- Trong trường hợp sự cố kỹ thuật, cần phải sửa chữa thiết bị máy móc của hệ thống và phải dừng hoạt động của hệ thống xử lý khắc phục sự cố trong vòng 1 ngày, thuê đơn vị chức năng đến hút nước thải đi xử lý.

* Sự cố nước thải xử lý không đạt quy chuẩn

Nước thải qua hệ thống xử lý được đánh giá có thể gặp các sự cố một hoặc một số thông số ô nhiễm trong nước thải sau xử lý chưa đạt quy chuẩn cho phép (QCCP). Tùy theo thông số ô nhiễm nào vượt QCCP mà có sự kiểm tra, điều chỉnh và đưa ra các biện pháp khắc phục khác nhau. Trong trường hợp sự cố phức tạp không thể tự xử lý, liên hệ với bên lắp đặt, xây dựng hệ thống để xử lý.

2. Các yêu cầu về bảo vệ môi trường

2.1. Thu gom, xử lý nước thải phát sinh từ hoạt động của dự án đầu tư bảo đảm đáp ứng quy định về giá trị giới hạn cho phép của chất ô nhiễm tại Phần A Phụ lục này trước khi xả thải ra ngoài môi trường. Không được phép lắp đặt đường ống khác để xả nước thải chưa xử lý ra môi trường.

2.2. Các yêu cầu về bảo vệ môi trường khác

- Thực hiện đúng, đầy đủ các yêu cầu về bảo vệ môi trường trong giấy phép môi trường. Trường hợp có thay đổi so với nội dung giấy phép đã được cấp, phải báo cáo cơ quan cấp giấy phép xem xét, giải quyết.

- Việc vận hành hệ thống xử lý nước thải sinh hoạt phải có nhật ký vận hành ghi chép đầy đủ các nội dung: lưu lượng (đầu vào, đầu ra), các thông số đặc trưng của nước thải đầu vào và đầu ra (nếu có); lượng điện tiêu thụ; loại và lượng hóa chất sử dụng, bùn thải phát sinh. Nhật ký vận hành viết bằng tiếng Việt và lưu giữ theo quy định.

- Trong quá trình hoạt động, nếu có sự cố bất thường xảy ra đối với hệ thống xử lý nước thải sinh hoạt, Chủ dự án phải báo cáo bằng văn bản với UBND tỉnh, Sở Tài nguyên và Môi trường, UBND thành phố Bắc Giang để kịp thời xử lý.

Phụ lục 2
NỘI DUNG CẤP PHÉP XẢ KHÍ THẢI VÀ YÊU CẦU BẢO VỆ
MÔI TRƯỜNG ĐỐI VỚI THU GOM, XỬ LÝ KHÍ THẢI

(Kèm theo Giấy phép môi trường số /QĐ-UBND
ngày / /2022 của UBND tỉnh)

A. NỘI DUNG CẤP PHÉP XẢ KHÍ THẢI

Thời điểm hiện tại, Công ty TNHH Pearl Global Việt Nam đang sử dụng lò hơi đốt than nên Công ty đề nghị cấp phép xả khí thải đối với khí thải phát sinh từ lò hơi đốt than.

Từ tháng 11 năm 2022, Công ty TNHH Pearl Global Việt Nam thực hiện lắp đặt, vận hành lò hơi điện thay thế cho lò hơi đốt than hiện đang sử dụng. Lò hơi điện không phát sinh khí thải do vậy Công ty TNHH Pearl Global Việt Nam không đề nghị cấp phép xả khí thải khi sử dụng lò hơi điện.

1. Nguồn phát sinh khí thải:

01 nguồn khí thải từ hệ thống xử lý khí thải lò hơi đốt than.

2. Dòng khí thải, vị trí xả khí thải

01 dòng khí thải sau hệ thống xử lý khí thải lò hơi đốt than.

1.2.1. Vị trí xả khí thải

- Vị trí xả khí thải: 01 vị trí tại ống khói sau hệ thống xử lý khí thải lò hơi đốt than trước khi xả thải ra môi trường.

- Toạ độ vị trí xả khí thải: X=2354561; Y=420299 (theo hệ tọa độ VN 2000, kinh tuyến trực 107°, múi chiều 3°).

1.2.2. Lưu lượng xả khí thải lớn nhất: 10.000 m³/giờ tương đương 100.000 m³/ngày (01 ngày làm việc 10 giờ).

1.2.2.1. Phương thức xả khí thải: Xả khí thải liên tục trong thời gian làm việc (thời gian làm việc 10 giờ/ngày)

1.2.2.2. Chất lượng khí thải trước khi xả vào môi trường không khí phải bảo đảm đáp ứng yêu cầu về bảo vệ môi trường và QCVN 19:2009/BTNMT đối với bụi, khí thải cụ thể như sau:

STT	Chất ô nhiễm	Đơn vị tính	Giá trị giới hạn (QCVN 19:2009/BTNMT)	Tần suất quan trắc định kỳ
1	Bụi tổng	mg/Nm ³	200	-
2	SO ₂	mg/Nm ³	500	
3	NO ₂	mg/Nm ³	850	
4	CO	mg/Nm ³	1000	

B. YÊU CẦU BẢO VỆ MÔI TRƯỜNG ĐỐI VỚI THU GOM, XỬ LÝ KHÍ THẢI

1. Công trình, biện pháp thu gom, xử lý khí thải từ lò hơi đốt than

1.1. Mạng lưới thu gom khí thải từ các nguồn phát sinh bụi, khí thải để đưa về hệ thống xử lý bụi, khí thải.

Khí thải phát sinh từ quá trình đốt than lò hơi được quạt hút vào đường ống dẫn khói (kết cấu ống sắt đường kính 0,4m, chiều dài 3m) dẫn đến hệ thống xử lý khí thải.

1.2. Công trình, thiết bị xử lý khí thải

- Tóm tắt quy trình công nghệ hệ thống xử lý khí thải lò hơi: Khí thải → cyclone tách bụi → quạt hút → bể chứa nước vôi trong → ống khói (khí thải sau xử lý đạt QCVN 19:2009/BTNMT).

- Công suất thiết kế của hệ thống xử lý khí thải lò hơi: 10.000 m³/giờ

- Hóa chất, vật liệu sử dụng: Nước vôi trong Ca(OH)₂: 12 m³/tháng.

1.3. Biện pháp, công trình, thiết bị phòng ngừa, ứng phó sự cố

* Biện pháp phòng ngừa

- Thường xuyên theo dõi hoạt động và thực hiện bảo dưỡng định kỳ hệ thống xử lý để có biện pháp khắc phục kịp thời nhằm đảm bảo khí thải đạt quy chuẩn quy định trước khi thải ra ngoài môi trường.

- Đảm bảo vận hành hệ thống theo đúng quy trình đã được hướng dẫn.

- Vận hành và bảo trì các máy móc thiết bị trong hệ thống một cách thường xuyên theo đúng hướng dẫn kỹ thuật của nhà cung cấp.

- Luôn dự trữ trong kho của dự án đầy đủ các thiết bị của hệ thống xử lý khí thải, đặc biệt là các thiết bị hay hư hỏng.

- Thường xuyên kiểm tra quá trình thu gom bụi, khí thải của các đường ống dẫn khí nhằm kịp thời khắc phục thay thế kịp thời các vị trí bị rò rỉ bụi, khí thải.

- Có nhật ký ghi chép lại các sự cố xảy ra, biện pháp khắc phục và trình báo với cơ quan quản lý môi trường có thẩm quyền tại địa phương.

* Biện pháp ứng phó

- Khi phát hiện ra sự cố, lập tức báo cho nhân viên phụ trách an toàn tại nhà máy, đồng thời dừng hoạt động và báo cáo cho cơ quan chức năng để kịp thời xử lý.

- Dừng mọi hoạt động sản xuất cho đến khi sự cố được khắc phục.

2. Các yêu cầu về bảo vệ môi trường đối với lò hơi đốt than

2.1. Thu gom, xử lý khí thải phát sinh từ hoạt động của dự án đầu tư bảo đảm đáp ứng quy định về giá trị giới hạn cho phép của chất ô nhiễm tại Mục A Phụ lục này trước khi xả thải ra ngoài môi trường.

2.2. Các yêu cầu về bảo vệ môi trường khác

- Thực hiện đúng, đầy đủ các yêu cầu về bảo vệ môi trường trong giấy phép môi trường. Trường hợp có thay đổi so với nội dung giấy phép đã được cấp, phải báo cáo với UBND tỉnh, Sở Tài nguyên và Môi trường xem xét, giải quyết.

- Thường xuyên vận hành hệ thống xử lý khí thải theo đúng quy trình, thiết kế, đảm bảo xử lý khí thải đáp ứng yêu cầu về bảo vệ môi trường.

- Trong quá trình hoạt động, nếu có sự cố bất thường xảy ra đối với các hệ thống xử lý khí thải, Chủ dự án, cơ sở phải báo cáo bằng văn bản với UBND tỉnh, Sở Tài nguyên và Môi trường, UBND thành phố Bắc Giang để kịp thời xử lý.

Phụ lục 3

BẢO ĐẢM GIÁ TRỊ GIỚI HẠN ĐỐI VỚI TIẾNG ÒN, ĐỘ RUNG VÀ CÁC YÊU CẦU BẢO VỆ MÔI TRƯỜNG

(Kèm theo Giấy phép môi trường số /QĐ-UBND

ngày / /2022 của UBND tỉnh)

A. NỘI DUNG CẤP PHÉP VỀ TIẾNG ÒN, ĐỘ RUNG

1. Nguồn phát sinh tiếng ồn, độ rung:

01 nguồn phát sinh từ xưởng sản xuất khu vực hoạt động dây chuyền may

2. Vị trí phát sinh tiếng ồn, độ rung

- 01 Vị trí trong xưởng sản xuất giữa khu vực hoạt động dây chuyền may.
Tọa độ: X=2354663; Y= 420238 (theo hệ tọa độ VN 2000, kinh tuyến trục 107⁰, múi chiều 3⁰)

3. Tiếng ồn, độ rung phải bảo đảm đáp ứng yêu cầu về bảo vệ môi trường và QCVN 24:2016/BYT - Quy chuẩn kỹ thuật Quốc gia về tiếng ồn - mức tiếp xúc cho phép tiếng ồn tại nơi làm việc, QCVN 27:2016/BYT - Quy định Quy chuẩn kỹ thuật quốc gia về rung - Giá trị cho phép tại nơi làm việc, cụ thể như sau:

3.1. Tiếng ồn

STT	Từ 6-21 giờ (dBA)	Từ 21 - 6 giờ (dBA)	Tần suất quan trắc định kỳ	Ghi chú
1	85	85	-	Khu vực thông thường

3.2. Độ rung

TT	Thời gian áp dụng trong ngày và mức gia tốc rung cho phép, dBA		Tần suất quan trắc định kỳ	Ghi chú
	Từ 6 giờ-21 giờ	Từ 21 - 6 giờ		
1	1,4m/s ² (103 dBA)	1,4m/s ² (103 dBA)	-	Khu vực thông thường

B. YÊU CẦU BẢO VỆ MÔI TRƯỜNG ĐỐI VỚI TIẾNG ÒN, ĐỘ RUNG

1. Công trình, biện pháp giảm thiểu tiếng ồn, độ rung

- Thường xuyên thực hiện chế độ bảo dưỡng máy móc thiết bị, lau dầu mỡ để giảm thiểu tiếng ồn, độ rung khi vận hành.

- Kiểm tra bảo dưỡng định kỳ các thiết bị gây ồn, bôi trơn các bộ phận chuyển động để giảm tiếng ồn, độ rung.

- Sử dụng đệm chống ồn, giảm rung chấn được lắp tại chân của máy móc, thiết bị.

- Lắp ống giảm thanh cho các máy móc và các thiết bị gây ồn.

- Trang bị đầy đủ bảo hộ lao động cho công nhân sản xuất.

2. Các yêu cầu về bảo vệ môi trường

Các nguồn phát sinh tiếng ồn, độ rung phải được giảm thiểu bảo đảm nằm trong giới hạn cho phép quy định tại Phần A Phụ lục này.

Phụ lục 4
YÊU CẦU VỀ QUẢN LÝ CHẤT THẢI, PHÒNG NGỪA
VÀ ỨNG PHÓ SỰ CỐ MÔI TRƯỜNG
(Kèm theo Giấy phép môi trường số /QĐ-UBND
ngày / /2022 của UBND tỉnh)

A. QUẢN LÝ CHẤT THẢI

1. Chủng loại, khối lượng chất thải phát sinh:

1.1. Khối lượng, chủng loại chất thải nguy hại phát sinh thường xuyên:

STT	Tên chất thải nguy hại	Số lượng trung bình (kg/năm)	
		Giai đoạn sử dụng lò hơi đốt than	Giai đoạn sử dụng lò hơi điện
1	Găng tay, giẻ lau nhiễm thành phần nguy hại	80	80
2	Bóng đèn huỳnh quang thải	15	15
3	Dầu động cơ và dầu bôi trơn tổng hợp thải	50	50
4	Hộp mực in thải có chứa thành phần nguy hại	50	50
5	Bao bì thải cứng bằng nhựa thải bị nhiễm thành phần nguy hại (vỏ hộp đựng dầu mỡ, sơn, vỏ hộp đựng dung môi giặt khô..)	16	40
6	Chất thải có chứa các tác nhân lây nhiễm (Bông, băng y tế)	14	14
7	Cặn từ hệ thống xử lý khí thải lò hơi (chỉ phát sinh trong giai đoạn vận hành lò hơi đốt than)	20	0
8	Dung môi hữu cơ thải từ quá trình giặt khô (phát sinh trong giai đoạn có bổ sung hoạt động giặt khô)	0	600
Tổng		245	849

1.2. Khối lượng, chủng loại chất thải rắn công nghiệp thông thường phát sinh

STT	Tên chất thải	Khối lượng (kg/ngày)	
		Giai đoạn sử dụng lò hơi đốt than	Giai đoạn sử dụng lò hơi điện
1	Vải vụn, chỉ vụn, mex, cúc áo...	50	50

2	Bao bì, thùng cát tông, giấy báo, bộ phận máy móc, dây điện hỏng không chứa thành phần nguy hại	50	50
3	Sản phẩm không đạt yêu cầu	30	30
4	Tro xỉ	385	0
Tổng khối lượng		515	130

1.3. Khối lượng chất thải rắn sinh hoạt phát sinh khoảng 600 kg/ngày, tương đương khoảng 15,6 tấn/tháng.

2. Yêu cầu bảo vệ môi trường đối với việc lưu giữ chất thải rắn sinh hoạt, chất thải rắn công nghiệp thông thường, chất thải nguy hại

2.1. Thiết bị, hệ thống, công trình lưu giữ chất thải nguy hại

2.1.1. Thiết bị lưu chứa: Bố trí 07 thùng chứa loại dung tích 120 lít, các thùng chứa có nắp đậy đặt trong kho chứa chất thải nguy hại (CTNH) để thu gom, lưu chứa riêng biệt các loại CTNH, bên ngoài thùng có dán mã số CTNH.

2.1.2. Kho/khu vực lưu giữ chất thải nguy hại

- Diện tích kho chứa chất thải nguy hại: 6 m².

- Thiết kế, cấu tạo của kho: Khung kèo thép, tường xây gạch, mái lợp tôn, có dán biển cảnh báo CTNH theo đúng quy định.

2.2. Thiết bị, hệ thống, công trình lưu giữ chất thải rắn công nghiệp thông thường

2.2.1. Thiết bị lưu chứa:

+ Bố trí 15 thùng chứa dung tích 60 lít/thùng đặt tại các khu vực xưởng sản xuất để thu gom, phân loại đối với chất thải là vải vụn, chỉ vụn, mex...Sau đó các loại vải vụn, chỉ, mex được cho vào các bao chứa đặt tại kho chứa chất thải rắn sản xuất.

+ Bố trí các pallet gỗ chứa bao bì, thùng cat tông, giấy báo, bộ phận máy móc hư hỏng không chứa thành phần nguy hại... để chứa và phân loại chất thải, đặt tại kho chứa chất thải rắn sản xuất.

2.2.2. Kho lưu chứa chất thải rắn công nghiệp thông thường

- Diện tích khu vực chứa chất rắn công nghiệp thông thường:

+ 02 kho có diện tích khoảng 30m²/kho, trong đó kho chứa chất thải rắn sản xuất số 01 chứa vải vụn, chỉ, mex...; kho chứa chất thải rắn sản xuất số 02 bao bì cát tông, nilong...

+ 01 khu vực lưu chứa tro xỉ lò hơi diện tích khoảng 15m²

- Thiết kế, cấu tạo của kho/khu vực lưu chứa chất thải rắn công nghiệp thông thường

+ 02 kho chứa có diện tích 30m² có thiết kế, cấu tạo: Khung kèo thép, tường tôn, mái tôn, nền bê tông xi măng, có cửa khóa.

+ 01 khu vực lưu chứa tro xỉ lò hơi cạnh lò hơi có thiết kế, cấu tạo: khung thép, mái che bằng tôn lạnh, tường gạch bao quanh, nền bê tông.

2.3. Thiết bị, hệ thống, công trình lưu giữ chất thải rắn sinh hoạt

2.3.1. Thiết bị lưu chứa:

Bố trí 10 thùng chứa có nắp đậy dung tích 60 lít/thùng đặt tại nhà bếp, nhà ăn, nhà văn phòng, đầu các xưởng sản xuất trong Công ty.

2.3.2. Kho/khu vực lưu chứa

Chất thải được thu gom tập trung vào 02 xe đẩy dung tích 0,5 m³/xe đặt tại khu vực lưu giữ tạm thời gần cổng Công ty.

B. YÊU CẦU VỀ PHÒNG NGỪA VÀ ỨNG PHÓ SỰ CỐ MÔI TRƯỜNG

Tuân thủ các yêu cầu thiết kế và quy trình kỹ thuật vận hành, bảo dưỡng hệ thống xử lý nước thải, khí thải. Có kế hoạch xử lý kịp thời khi xảy ra sự cố đối với hệ thống xử lý nước thải, khí thải. Trong trường hợp xảy ra sự cố, nhanh chóng dừng hoạt động sản xuất, có các biện pháp khắc phục sự cố cho hệ thống xử lý nước thải, khí thải. Chỉ được tiếp tục hoạt động nhà máy khi xử lý khắc phục hoàn toàn sự cố.

Phụ lục 5
CÁC YÊU CẦU KHÁC VỀ BẢO VỆ MÔI TRƯỜNG
(Kèm theo Giấy phép môi trường số /QĐ-UBND
ngày / /2022 của UBND tỉnh)

Chủ dự án có trách nhiệm thực hiện:

- Tổ chức thực hiện và tự chịu trách nhiệm theo quy định của pháp luật; tiếp thu đầy đủ các nội dung, yêu cầu của Giấy phép môi trường đã được cấp.

- Thực hiện nghiêm túc các giải pháp kỹ thuật phòng chống và ứng phó sự cố môi trường, chịu trách nhiệm đền bù khắc phục hậu quả và bồi thường thiệt hại do sự cố gây ra; các quy định về an toàn lao động, an toàn giao thông, phòng cháy chữa cháy và các quy định khác có liên quan trong quá trình thực hiện Dự án. Chịu trách nhiệm sửa chữa, duy tu, xây dựng mới hoặc bồi thường trong trường hợp gây thiệt hại đến hạ tầng kỹ thuật, công trình, tài sản khác xung quanh khu vực thực hiện Dự án.

- Bố trí đủ kinh phí để thực hiện các biện pháp bảo vệ môi trường, phòng ngừa, ứng phó các sự cố về môi trường trong quá trình thực hiện Dự án; Định kỳ kiểm tra, duy tu bảo dưỡng các công trình bảo vệ môi trường để đảm bảo hiệu quả thu gom, xử lý.

- Vận hành hệ thống xử lý nước thải sinh hoạt tại Dự án để thu gom, xử lý toàn bộ lượng nước thải sinh hoạt phát sinh từ hoạt động của Dự án đảm bảo đạt QCVN 14:2008/BTNMT cột A, trước khi xả thải ra ngoài môi trường (trong giai đoạn chưa đấu nối vào với hệ thống thu gom nước thải của CCN Dĩnh Trì, thành phố Bắc Giang); đảm bảo đạt QCVN 40:2011/BTNMT cột B trước khi đấu nối với hệ thống thu gom nước thải của cụm công nghiệp Dĩnh Trì, thành phố Bắc Giang (giai đoạn đấu nối nước thải với hệ thống thu gom nước thải của Cụm công nghiệp Dĩnh Trì, thành phố Bắc Giang) đảm bảo không để hiện tượng rò rỉ, ngấm nước thải ảnh hưởng đến môi trường đất, môi trường nước, không khí khu vực.

- Vận hành hệ thống xử lý khí thải của dự án để xử lý toàn bộ khí thải phát sinh từ hoạt động sản xuất của dự án đảm bảo đạt QCVN 19:2009/BTNMT cột B trước khi thải ra ngoài môi trường (trong giai đoạn sử dụng lò hơi đốt than).

- Quản lý thu gom và xử lý chất thải rắn thông thường, chất thải nguy hại phát sinh theo quy định tại: Nghị định số 08/2022/NĐ-CP ngày 10/01/2022 của Chính phủ; Thông tư số 02/2022/TT-BTNMT ngày 10/01/2022 của Bộ Tài nguyên và Môi trường.

- Các nội dung khác: Chi tiết tại Tờ trình số 624/TTr-TNMT ngày 21/9/2022 của Sở Tài nguyên và Môi trường và nội dung báo cáo đề xuất cấp Giấy phép môi trường.